

CÔNG TY TNHH BAO BÌ HAPOBE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ HAPOBE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPOBE PACKAGING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAPOBE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109145966

3. Ngày thành lập: 27/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 119 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
3.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
7.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
8.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
9.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
10.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
11.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
12.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
13.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
14.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
15.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
16.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
19.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
20.	Thu gom rác thải độc hại	3812
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

22.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
23.	Tái chế phế liệu	3830
24.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
27.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
28.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
31.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690(Chính)
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
35.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
40.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
41.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

47.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
48.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHAN THỊ CHÂU HUẾ	Số nhà 20B, Ngõ 217 Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	25,000	040184000242	
2	ĐÀO DUY LUẬN	Số nhà B0912, Chung cư Thăng Long Number One, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	25,000	001079025050	
3	NGUYỄN LAN ANH	Phòng số 10.14- L2, Nhà F4, Khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	40,000	001179017944	
4	ĐẶNG PHƯƠNG MAI	Số 81 Vũ Tông Phan, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	10,000	001176024091	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN LAN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001179017944

Ngày cấp: 04/01/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng số 10.14- L2, Nhà F4, Khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1506, chung cư N07 B2, Khu đô thị Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội